

Bản án số 268/2021/HC-PT

Ngày 06/12/2021

Về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Mai Xuân Thành, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 234/2021/TLPT-HC ngày 06/7/2021 về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 485/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/5/2020 (tại Văn phòng công chứng Đinh Thị Ngọc V; địa chỉ: huyện V, tỉnh Khánh Hòa) của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Cao Như Y, Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền số 986/UBND ngày 30/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện V là ông Lê Hồng P (Phó Chủ tịch UBND huyện V), có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Thành T (Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, vắng;

3.2. Ông Võ Thành Đ, vắng;

3.3. Ông Trần Ngọc C, vắng;

3.4. Ông Trần C, bà Trần Thị Kim H, vắng;

Cùng địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K trình bày:*

Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 3, diện tích 50.648m² tại thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa do vợ chồng ông V, bà K khai hoang năm 1987 và trồng hoa màu, cây thuốc lá đến năm 1994, từ năm 1994 đến nay trồng keo và cây ăn trái không có tranh chấp. Ngày 05/11/2014, Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 909917 (số vào sổ cấp GCN: CH 12233) thửa đất số 69, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ lâm nghiệp V) diện tích 50.648m² loại đất rừng sản xuất, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064 cho ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K. Năm 2018, ông V, bà K phát hiện ông Trần Ngọc C chiếm đất của mình trồng keo nên khiếu nại, UBND xã V tiến hành hòa giải nhưng không thành và UBND xã V có hướng dẫn ông V, bà K khởi kiện nhưng Ông Bà chưa khởi kiện. Ngày 13/5/2019, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 của Ông Bà với lý do đất cấp không đúng đối tượng sử dụng đất thực tế. Theo ông V, bà K thì Ông Bà là người sử dụng đất ổn định, có tên trong sổ địa chính xã nên việc UBND huyện V ban hành quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ông Bà là không đúng, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Bà nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND huyện V.

- *Người bị kiện là UBND huyện V trình bày:* Ngày 11/9/2014, ông Nguyễn Ngọc V có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69 do tự khai hoang, UBND xã V xác nhận đất do ông V tự khai hoang sử dụng trồng rừng năm 2003 cho đến nay. Trên cơ sở này, ngày 05/11/2014, UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 cho ông V, nhưng trên thực tế thửa đất 69 do ông Võ Thành Đ sử dụng nên ông V và ông Đ tranh chấp và đều có đơn đề nghị giải quyết. Tại Biên bản hòa giải do UBND xã V lập ngày 22/6/2018, ông V khai năm 1984 ông V đến tại khu vực Hòn Chùa (*tục danh của 02 thửa đất 69 và 70, tờ bản đồ số 3, xã V*) khai hoang đất, trồng thuốc lá, bắp và sử dụng đến năm 1994 thì bỏ hoang. Đ năm 2006, khi nghe tin Nhà nước cho đăng ký đất rừng thì ông V đến UBND xã kê khai đăng ký đối với diện tích trước đây đã khai hoang, sử dụng năm 1984. Sau khi đăng ký, ông V tiến hành phát dọn ranh đất trồng bạch đàn với diện tích khoảng 01 ha, sử dụng đất được 01 năm rồi không canh tác cho đến nay. Tại các biên bản kiểm tra thực địa và xác minh lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do UBND xã V lập ngày 26, 28/6/2020 thì ý kiến của những người đã từng canh tác, sản xuất tại khu vực này đều cho rằng đất do ông Đ khai hoang, trực tiếp sản xuất và sử dụng ổn định cho đến nay. Qua kiểm tra hiện trạng UBND xã xác định diện tích đất này hiện do ông Đ trồng và thu hoạch keo.

Tại Văn bản ngày 09/01/2018, UBND xã V thừa nhận khi xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V không kiểm tra, xác minh thực tế mà chỉ căn cứ Sổ mục kê đất rừng lập năm 2007 có thể hiện tên người sử dụng thửa đất 69 là ông V nên đã thực hiện các thủ tục theo quy định đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V năm 2014. Việc xác nhận nói trên của UBND xã là không đúng quy định nên ngày 29/6/2018 UBND xã V đã có Tờ

trình số 103/TTr-UBND đề nghị UBND huyện xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69, 70 tờ bản đồ số 3, xã V.

Trên cơ sở Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 29/6/2018 của UBND xã V và đơn kiến nghị của ông Đ, UBND huyện V đã giao Thanh tra huyện kiểm tra. Thanh tra huyện đã xác định thời điểm bắt đầu đo đạc hình thành bản đồ lâm nghiệp xã V năm 2007 thì ông V mới đăng ký để được đo đạc tạo thành thửa đất 69 trên Bản đồ lâm nghiệp số 3, xã V mà không phải là đất khai hoang, sử dụng ổn định, liên tục từ trước thời điểm được đo đạc. Đồng thời, sau khi kê khai, đăng ký thì ông V chỉ sử dụng đất được 01 năm rồi bỏ hoang, không sử dụng cho đến hiện nay. Vì vậy, ông V không phải là người đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2004 như quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai “*Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*”. Vì vậy, nội dung xác nhận của UBND xã V về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với thửa đất số 69 là do khai hoang vào năm 2003 sử dụng cho đến nay là không có cơ sở. Xuất phát từ việc UBND xã xác nhận không đúng thực tế về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất nên việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận hồ sơ của thửa đất nói trên thuộc khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 nên đủ điều kiện xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 là không đúng quy định pháp luật về đất đai, cần phải được thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai 2013 “*Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai*”. Do đó, ông Đ khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 cho ông V không đúng là có cơ sở.

Trên cơ sở đó, ngày 13/5/2019, UBND huyện V ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất là đúng bản chất của vụ việc, không xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông V, bà K và đúng quy định pháp luật đất đai; tuy nhiên, hình thức Quyết định số 655/QĐ-UBND chưa đúng quy định, vấn đề này UBND huyện V xin rút kinh nghiệm. Vì các lẽ trên, UBND huyện V đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thành Đ trình bày:* Năm 1978, ông khai hoang thửa đất số 69, sử dụng trồng hoa màu và trồng keo từ đó đến nay. Ông có đến UBND xã V đăng ký quyền sử dụng đất nhưng được cán bộ địa chính nói rằng “*Đất của chủ canh tác thì cứ làm từ từ rồi đăng ký*” sau đó, do chủ quan nên ông không ra thăm hỏi để làm sổ. Năm 2017, bão số 12 làm keo gãy đổ, ông Nguyễn Ngọc V đưa máy móc đến đất của ông và nói rằng đất của ông V đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ không đồng ý thì ông V cho một đám người lạ mặt đến đe dọa và ông đã yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải

quyết. Ngày 10/3/2020, UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CT 454675 (số vào sổ cấp GCN: CH 14521) thửa đất số 259, tờ bản đồ số 3 xã V, diện tích 39.601m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064 cho ông Võ Thành Đ và bà Lê Thị Sẽ (chết năm 1996). Ông V tranh chấp đất với ông mà không biết thửa đất số mấy, việc này là không đúng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V, bà K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần C trình bày:* Việc tranh chấp giữa ông V với ông Đ về thửa đất số 69 không liên quan đến ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc C trình bày:* Năm 2005, ông khai hoang canh tác được xã xác nhận. Năm 2007, có dự án PAM nên ông có đăng ký kê khai với UBND xã diện tích 16ha tương ứng với các thửa đất số 70, 73 và 74, tờ bản đồ số 3, xã V. Năm 2018, ông V gửi đơn lên UBND xã V tranh chấp đất với ông. Tuy nhiên, các thửa đất ông đang sử dụng không liên quan đến thửa đất số 69 mà ông V tranh chấp. Thửa đất 69 mà ông V tranh chấp hiện nay do ông Đ quản lý, sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã V trình bày:* Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà K tại thửa đất số 69 vào năm 2014 do sai sót trong quá trình xét cấp giấy do không kiểm tra, xác minh thực tế mà chỉ căn cứ vào sổ mục kê đất rừng thiết lập vào năm 2007 có thể hiện tên người sử dụng đất trên thửa đất số 69 là ông V nên UBND xã V đã thực hiện các thủ tục theo quy định, đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, trên thực tế, ông V không có đất sản xuất tại khu vực nói trên. Vào tháng 6/2018, khi ông C và ông V tranh chấp đất với ông Đ và ông C, ông C chặt cây, san ủi trên phần đất ông Đ đang sản xuất và đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần C và vợ là Trần Thị Kim H tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 3, ông V tranh chấp đất với ông C và đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông V và vợ là bà K tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 3. Do UBND xã V không có máy định vị giữa thực tế thửa đất với bản đồ đo đạc rừng nên có sự nhầm lẫn đất của ông Đ là thửa số 70, khi ông Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan chức năng xác định thửa đất ông Đ đang sử dụng là một phần thửa đất số 69.

- *Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 31/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:*

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 2 Điều 101 và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/11/2014, số phát hành BT 909917 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001177 ngày 04/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông V và bà K đã nộp đủ án phí HCST.

- Ngày 11/6/2021 ông V, bà K kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bị kiện (vắng mặt).

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; ngày 25/11/2019 ông V, bà K khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 655/QĐ-UBND nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định thửa đất tranh chấp giữa vợ chồng ông V, bà K với ông Võ Thành Đ là thửa đất số 69, *Biên bản hoà giải* do UBND xã V lập ngày 22/6/2018 ghi là thửa số 70 là có sự nhầm lẫn. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 69 thì ông V, bà K cho rằng Ông Bà khai hoang năm 1987 và trồng hoa màu và cây thuốc lá đến năm 1994, từ năm 1994 đến nay, ông V, bà K trồng keo và cây ăn trái mà không có ai tranh chấp; tuy nhiên, tại *Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 11/9/2014 ông V ghi nguồn gốc thửa đất do ông V tự kê khai, được UBND xã V xác nhận: “*Đất do ông V tự khai hoang sử dụng trồng rừng năm 2003 cho đến nay*”; như vậy, ông V, bà K trình bày mâu thuẫn trước sau về nguồn gốc, thời gian và quá trình sử dụng đất.

[3] Tại *Biên bản hoà giải* do UBND xã V lập ngày 22/6/2018 ghi ông V sử dụng thửa đất số 69 từ năm 1984 đến năm 1994 để trồng bắp và thuốc lá, sau năm 1994 trồng xoài và keo không ai tranh chấp, đến năm đo đạc theo Nghị định 02/CP (năm 2007) ông V không sản xuất, lúc đó còn rừng. Theo kết luận của Hội đồng hòa giải UBND xã V thì ông V khai hoang và sử dụng từ năm 1984 đến năm 1994, sau đó bỏ hoang, khi đo đạc giao đất rừng theo Nghị định số 02/CP là đất rừng tái

sinh, không có sử dụng nhưng được đo đạc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (biên bản được mọi người thống nhất và ký tên, trong đó có cả ông V).

[4] Ông Võ Thành Đ trình bày năm 1978 ông Đ khai hoang thửa đất số 69 và sử dụng trồng hoa màu và trồng keo từ đó đến nay. Lời trình bày của ông Đ phù hợp lời khai của ông Trần Ngọc C tại Bản tự khai ngày 27/7/2020 *“Thửa đất số 69 mà ông V tranh chấp hiện nay do ông Võ Thành Đ đang quản lý, sử dụng”*, Phù hợp ý kiến của những người đã từng canh tác, sản xuất tại khu vực này (đều cho rằng đất do ông Võ Thành Đ khai hoang, trực tiếp sản xuất và sử dụng ổn định cho đến nay). Kết quả kiểm tra thực địa và xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do UBND xã V lập ngày 26,28/6/2020 xác định phần đất hiện nay do ông Võ Thành Đ trồng và thu hoạch keo.

[5] Theo xác nhận của UBND xã V ngày 09/01/2018, thì khi lập Sổ mục kê năm 2007 do UBND xã V không có máy định vị giữa thực tế thửa đất với bản đồ đo đạc rừng nên nhầm lẫn khi ghi vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V sử dụng thửa đất số 69 lấn sang một phần thửa đất số 70 của ông Đ; khi ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 70 thì cơ quan chức năng đo đạc xác định ông Đ đang sử dụng một phần thửa 69 bị ghi nhầm tên cho vợ chồng ông V, bà K. Quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà K do không kiểm tra, xác minh thực tế mà chỉ căn cứ vào Sổ mục kê đất rừng lập năm 2007 có thể hiện tên người sử dụng thửa đất số 69 là ông Nguyễn Ngọc V và căn cứ về nguồn gốc của thửa đất được ông V tự kê khai, UBND xã V xác nhận với nội dung: Đất do ông V tự khai hoang sử dụng trồng rừng năm 2003 cho đến nay, nên UBND xã V đã thực hiện các thủ tục theo quy định, đề nghị UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối thửa 69 cho ông V và bà K; việc xác nhận nói trên của UBND xã V không đúng quy định, nên ngày 29/6/2018 UBND xã V đã có Tờ trình số 103/TTr-UBND đề nghị UBND huyện xem xét thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số CH 12233 mà Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp ngày 05/11/2014 cho hộ ông V, bà K.

[6] Như vậy, việc kê khai sử dụng đất và kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, bà K là không đúng; việc UBND xã V làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 69 cho ông V và bà K là không đúng; mặt khác, thời điểm bắt đầu đo đạc hình thành bản đồ lâm nghiệp xã V năm 2007 thì ông V mới đăng ký để được đo đạc tạo thành thửa đất số 69 trên Bản đồ lâm nghiệp số 3, xã V mà không phải khai hoang, sử dụng ổn định liên tục từ trước thời điểm đo đạc; sau khi kê khai, đăng ký thì ông V cũng chỉ sử dụng đất 01 năm rồi bỏ hoang, không sử dụng cho đến hiện nay. Vì vậy, ông Nguyễn Ngọc V không phải là người đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2004 như quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai *“Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”*. Việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận hồ sơ của thửa đất nói trên thuộc khoản 2 Điều 101 Luật đất đai

2013 nên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 là không phù hợp quy định pháp luật, cần phải được thu hồi theo quy định tại điểm d (Giấy chứng nhận cấp không đúng đối tượng sử dụng đất) khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai 2013. Ngày 13/5/2019, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 655/QĐ-UBND hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 là đúng thẩm quyền, có căn cứ; tuy nhiên, về trình tự, thủ tục chưa phù hợp Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014 nhưng không thay đổi bản chất vụ việc nên UBND huyện V cần rút kinh nghiệm.

[7] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông V, bà Khanh yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp cấm chuyển dịch quyền sử dụng thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CT 454675 (số vào sổ cấp GCN: CH 14521) ngày 10/3/2020 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 3 xã V do UBND huyện V cấp cho ông Võ Thành Đ và bà Lê Thị Sẽ (chết năm 1996) là không có căn cứ vì ông V, bà K không tranh chấp quyền sử dụng thửa đất 259, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V, bà Khanh là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông V, bà K kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của ông V, bà K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

- Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 101 và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 12233 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/11/2014, số phát hành BT 909917 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001177 ngày 04/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa thì ông V và bà K đã nộp đủ khoản tiền này.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc V, bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009759 ngày

22/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa thì ông V, bà K đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân